TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Trần Văn Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2022 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-NHGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1990 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Trọng C, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Dương Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Huỳnh Trọng C cưới nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre trên cơ sở tự nguyện do tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cải nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay không có hàn gắn lại được với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Trọng C

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/11/2012, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Trọng C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C. Về con chung: giao con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/11/2012 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Huỳnh Trọng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh C vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị

Dương Thị Kim L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị Kim L và anh Huỳnh Trọng C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh C kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/8/2012 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng giữa năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn được. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải giữa chị L và anh C nhưng anh C không tham dự hòa giải. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh C 01 con chung là Huỳnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 11/11/2012. Từ khi chị L và anh C sống ly thân đến nay cháu Nhi do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu Nhi cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L. Do đó, để ổn định tâm lý, cũng như sự phát triển bình thường của cháu Nhi yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung của chị L là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị L được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Dương Thị Kim L được ly hôn với anh Huỳnh Trọng C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 14/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/11/2012 cho chị Dương Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Trọng C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nhi thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C. Vì lợi ích của con chung hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003809 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã A (B, Bến Tre)
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Duy Linh